

Thời khoá biểu lớp Cử tuyển Bộ A Năm học 2009-2010

Thứ Lớp	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
CTBA	Toán:1-3 Văn: 4-6	Lý: 1-3 Hoá:4-5 Thể dục	Toán: 1-3 Tin: 4-6	GDCD:1 Anh: 2-3 Lý: 4-5	Hoá: 1-3 Toán: 4-5 Sinh hoạt:6

Thời khoá biểu các lớp ôn tập kiến thức Phổ Thông đợt 1

Năm học 2009-2010 (Học chính buổi sáng)

Thứ Lớp	Hai	Ba	Tu	Năm	Sáu
A1	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-2 Toán 3-5	Lý 1-3 Hoá 4-5	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-3 Toán 4-5
A2	Lý 1-3 Toán 4-5	Toán 1-3 Hoá 4-5	Hoá 1-3 Lý 4-5	Lý 1-2 Toán 3-5	Toán 1-3 Hoá 4-5
C1	Văn 1-3 Sử 4-6	Địa 1-3 Văn 4-6	Sử 1-3 Địa 4-6	Văn 1-3 Sử 4-5	Địa 1-2 Văn 3-5
C2	Sử 1-3 Văn 4-6	Văn 1-3 Địa 4-5	Địa 1-3 Sử 4-6	Sử 1-2 Văn 3-5	Văn 1-3 Địa 4-6
D&M	Toán 1-3	Văn 1-3	Toán 1-2 Văn 3-4	Toán 1-3	Văn 1-3
T (Sân vận động)	Thể dục 1-2			Thể dục 1-2	

Thời khoá biểu các lớp ôn tập kiến thức Phổ Thông đợt 1

Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều)

Thứ Lớp	Hai	Ba	Tu	Năm	Sáu
A3	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-2 Toán 3-5	Lý 1-3 Hoá 4-5	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-3 Toán 4-5
B	Toán 1-3 Hoá 4-5	Sinh 1-3 Toán 4-6	Toán 1-2 Sinh 3-4	Hoá 1-2 Toán 3-5	Sinh 1-3 Hoá 4-6
C3	Văn 1-3 Sử 4-6	Địa 1-3 Văn 4-6	Sử 1-3 Địa 4-6	Văn 1-3 Sử 4-5	Địa 1-2 Văn 3-5
T	Toán 1-3	Sinh 1-3 Toán 4-6	Toán 1-2 Sinh 3-4	Toán 1-3	Sinh 1-3

Thời khoá biểu các lớp ôn tập kiến thức Phổ Thông đợt 2
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi sáng)

Lớp \ Thứ	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
A4	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-2 Toán 3-5	Lý 1-3 Hoá 4-5	Toán 1-3 Lý 4-5	Hoá 1-3 Toán 4-5
C4	Văn 1-3 Sử 4-6	Địa 1-3 Văn 4-6	Sử 1-3 Địa 4-6	Văn 1-3 Sử 4-5	Địa 1-2 Văn 3-5
C5	Sử 1-3 Văn 4-6	Văn 1-3 Địa 4-5	Địa 1-3 Sử 4-6	Sử 1-2 Văn 3-5	Văn 1-3 Địa 4-6
D&M.2	Toán 1-3	Văn 1-3	Toán 1-2 Văn 3-4	Toán 1-3	Văn 1-3

Thời khoá biểu các lớp ôn tập kiến thức Phổ Thông đợt 2
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều)

Lớp \ Thứ	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu
B2	Toán 1-3 Hoá 4-5	Sinh 1-3 Toán 4-6	Toán 1-2 Sinh 3-4	Hoá 1-2 Toán 3-5	Sinh 1-3 Hoá 4-6

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 45 học kì I
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi sáng)

Lớp \ Thứ	hai	ba	Bốn	Năm	Sáu
CDToán-Lý 45A	NGN 1-3	TLĐC 1-3	NGN 4-5	Thử dực	
CDSinh-Hoá 45A	Thử dực	NGN 1-3	TLĐC 1-3	NGN 4-5	
CDVăn-Sử 45A	NGN 4-5	Thử dực	NGN 1-3	TLĐC 1-3	
CDVăn- Địa 45A		NGN 4-5	Thử dực	NGN 1-3	TLĐC 1-3

Viết tắt: NGN- Ngoại ngữ;
 TLĐC- Tâm lý đại cương;
 Thử dực học từ 14h30.

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 45 học kì I
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều)

Thứ Lớp	hai	ba	Bốn	Năm	Sáu
CĐToán-Lý 45B	NGN 1-3	Thế dục	NGN 4-5	TLĐC 1-3	
CĐSinh-Hoá 45B		NGN 1-3	Thế dục	NGN 4-5	TLĐC 1-3
CĐVăn-Sử 45B	TLĐC 1-3		NGN 1-3	Thế dục	NGN 4-5
CĐVăn- Địa 45B	NGN 4-5	TLĐC 1-3		NGN 1-3	Thế dục
CĐThế dục 45		NGN 4-5	TLĐC 1-3		NGN 1-3
CĐToán-Tin 45	NGN 1-3 Thế dục		NGN 4-5	TLĐC 1-3	

Viết tắt: NGN- Ngoại ngữ;
TLĐC- Tâm lý đại cương;
Thế dục học từ 7h00.

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 44 học kì 2. (Kỳ học thứ 3)
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi sáng - Thực hiện từ ngày 28/12/2009)

Thứ Lớp	Hai	Ba	tư	năm	sáu
CĐ Văn-Sử 44B	HCM 1-3	NMT 1-2 Thế dục			HĐDH 1-2
CĐ Sinh-Hoá 44A		HCM 1-3 Thế dục	HĐDH 1-2		NMT 1-2
CĐ Toán-Lý 44		NMT 4-5 Thế dục	HCM 1-3		HĐDH 4-5
CĐ Sinh-Hoá 44B	NMT 1-2	Thế dục	HĐDH 4-5	HCM 1-3	
CĐ Thế dục 44B	GDH 1-3		CTĐ 1-2		NMT 4-5

Viết tắt: HCM - Tư tưởng Hồ Chí Minh; HĐDH- Hoạt động dạy học;
NMT- Nhập môn Tin; Thế dục - Học từ 15h00;
GDH - Giáo dục học đại cương; CTĐ- Công tác đội TNTP;

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 44 học kì 2. (Kỳ học thứ 3)
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều - Thực hiện từ ngày 28/12/2009)

Lớp \ Thứ	Hai	Ba	tư	năm	sáu
CĐ Văn-Sử 44A	HCM 1-3	NMT 1-2		Thẻ dực	HĐDH 1-2
CĐ Văn-Địa 44		HCM 1-3	NMT 1-2	HĐDH 4-5 Thẻ dực	
CĐ Sinh-Địa 44		NMT 4-5	HCM 1-3	HĐDH 1-2 Thẻ dực	
CĐ Toán-Tin 44	NMT 4-5			HCM 1-3 Thẻ dực	HĐDH 4-5
CĐ Thẻ dực 44A	GDH 1-3		NMT 4-5		CTĐ 1-2

Viết tắt: HCM - Tư tưởng Hồ Chí Minh; HĐDH- Hoạt động dạy học;
 NMT- Nhập môn Tin; Thẻ dực - Học từ 7h30;
 GDH - Giáo dục học đại cương; CTĐ- Công tác đội TNTP;

Thời khoá biểu các lớp liên thông khoá 1 học kì 2
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều - Học kỳ thứ 3)

Lớp \ Thứ	Hai	Ba	tư	năm	sáu
LT Văn K1					
LT Toán K1					
LT Lý K1					

Viết tắt:

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 43 học kì 2
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi sáng – Học kỳ thứ 4)

Thứ Lớp	Hai	Ba	tư	năm	sáu
CD Thể dục 43	HĐGD 1-3				
CD Văn-Sử 43C		HĐGD 1-3			
CD Toán-Tin 43B			HĐGD 1-3		
CD Toán-Tin 43C				HĐGD 1-3	

Viết tắt: HĐGD – Hoạt động giáo dục.

Thời khoá biểu cao đẳng khoá 43 học kì 2
Năm học 2009-2010 (Học chính buổi chiều – Học kỳ thứ 4)

Thứ Lớp	Hai	Ba	tư	năm	sáu
CD Sinh-Địa 43	HĐGD 1-3		NMT 4-5		
CD Văn-Sử 43A		HĐGD 1-3			
CD Văn-Sử 43B			HĐGD 1-3		
CD Toán-Tin 43A				HĐGD 1-3	

Viết tắt: HĐGD – Hoạt động giáo dục; NMT – Nhập môn Tin học.

Lớp \ Thứ	Hai	ba	tư	năm	sáu
Văn 42C	CNXH 1-2		CNXH 4-5		
Sử 42B		LSD 1-2		LSD 4-5	
Địa 42B	CNXH 4-5	LSD 4-5	CNXH 1-2	LSD 1-2	
Anh 42C	HCM 1-3	CNXH 1-2		CNXH 4-5	
Trung 42B		CNXH 4-5	HCM 1-3	CNXH 1-2	
Trung-Anh 42	CNXH 1-2	HCM 1-3	CNXH 4-5		
Pháp 42	CNXH 4-5		CNXH 1-2	HCM 1-3	
Toán 42A	LSD 1-2	QLHC 1-2	LSD 4-5		HCM 1-3
Toán 42B	LSD 4-5	QLHC 4-5	LSD 1-2	HCM 1-3	
SP Tin 42	HCM 1-3	LSD 1-2	QLHC 1-2		LSD 4-5
Lý 42A		HCM 1-3			
Hoá 42B		CNXH 1-2	QLHC 4-5	CNXH 4-5	HCM 1-3
Sinh 42		LSD 4-5	HCM 1-3	QLHC 1-2	LSD 1-2
Thử dục 42A		CNXH 4-5	HCM 1-3	CNXH 1-2	
Thử dục 42B		HCM 1-3	CNXH 4-5		CNXH 1-2
GDCD 42B					
Tâm lý 42			CNXH 1-2	HCM 1-3	CNXH 4-5
Mầm non 42		CNXH 4-5			CNXH 1-2
TD-QP 42	Trung tâm GDQP chủ động bố trí kế hoạch giảng dạy nội dung quốc phòng.				

Viết tắt: CNXH - Chủ nghĩa xã hội KH; LSD - Lịch sử Đảng;

QLHC - Quản lý hành chính và quản lý ngành; HCM - Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ lớp	hai	ba	tư	năm	sáu
Văn 42A		CNXH 1-2		CNXH 4-5	
Văn 42B		CNXH 4-5		CNXH 1-2	
Sử 42A		LSD 1-2		LSD 4-5	
Địa 42A		LSD 4-5	CNXH 1-2	LSD 1-2	CNXH 4-5
Anh 42A		HCM 1-3	CNXH 4-5		CNXH 1-2
Anh 42B		CNXH 1-2	HCM 1-3	CNXH 4-5	
Trung 42A		CNXH 4-5		CNXH 1-2	HCM 1-3
Toán 42C	QLHC 1-2		LSD 1-2	HCM 1-3	LSD 4-5
Lý 42B	HCM 1-3				
Hoá 42A		HCM 1-3	CNXH 1-2	QLHC 1-2	CNXH 4-5
GD-CN 42A			LSD 4-5	HCM 1-3	LSD 1-2
GDCD 42A					
Thế dục 42C	HCM 1-3		CNXH 4-5		CNXH 1-2
Tiểu học 42	QLHC 4-5	LSD 1-2	HCM 1-3	LSD 4-5	
Lý-Hoá 42		LSD 4-5		LSD 1-2	
Sinh-Địa 42			LSD 1-2		LSD 4-5
Toán-Tin 42			LSD 4-5		LSD 1-2
Văn-Sử 42	LSD 1-2		LSD 4-5		

Viết tắt: CNXH – Chủ nghĩa xã hội KH; LSD - Lịch sử Đảng;

QLHC- Quản lý hành chính và quản lý ngành; HCM – Tư tưởng Hồ Chí Minh.

vị trí phòng học cho các lớp năm học 2009-2010
 học kỳ 2 – thực hiện từ ngày 28/12/2009 (Khu giảng đường 5 tầng A)
 (Kèm theo công văn số: 2737/ĐT, ngày 24/12/2009)

Phòng học	A.A (A100)	A101 và A102	A103	A104 (t)	A105 (t)	A.B (A150)
Sáng	(120cn)	Cao học	Cao học	Văn 44E 74sv	CĐ Toán- Lý 45A -	(150cn)
Chiều	(120cn)	Cao học	Cao học	CĐ Toán- Lý 45B -	Toán 43A 71sv (75cn)	(150cn)
Phòng học	A201	A202 (t)	A203	A204 (t)	A205	A206(t)
Sáng	A1-	CĐ Thể Dục 44B 43 sv (75cn)	Phòng đợi giảng viên	CĐ Văn - Sử 45A -	Cao học	C1-
Chiều	CĐ Sinh- Hoá 45B-	ĐHToán-Tin42 68 sv (55cn)	Phòng đợi giảng viên	CĐ Văn- Địa	Cao học	Toán 44D 100sv
Phòng học	A301	A302 (t)	A303	A304 (t)	A305	A306
Sáng	A2-	C2-	Cao học	CĐ Văn - Địa	CTBA 58sv	
Chiều		B-	Cao học	CĐ Thể dục 45 -	B2 - 60sv	A3-
Phòng học	A401	A402 (t)	A403	A404 (t)	A405	A406(t)
Sáng	TD-QP 44 58 sv (45cn)	D&M-65sv	Cao học	CĐ Sinh- Hoá	Cao học	Địa 44C 52 sv
Chiều		T-92sv	Cao học	C3-	Cao học	CĐ Văn - Sử
Phòng học	A501	A502 (t)	A503	A504 (t)	A505	A506
Sáng	A4 - 64sv	Văn 44D 85SV	Cao học	Cao học	Cao học	Cao học
Chiều		CĐToán- Tin	Cao học	Cao học	Cao học	Cao học

Vị trí phòng học cho các lớp năm học 2009-2010
 học kỳ 2 – thực hiện từ ngày 28/12/2009 (Khu giảng đường 5 tầng B)
 (Kèm theo công văn số: 2737/ĐT, ngày 24/12/2009)

Phòng học	B101	B102 (t)	B103	B104 (t)	B105	B106(rn)
Sáng	TT Ngoại ngữ	Mầm-Non 42 82 sv (75cn)	Tâm-Lý 42 55 sv (55cn)	GD-CD 42B 67 sv (75cn)	Sinh 42 58 sv (55cn)	TT Ngoại ngữ
Chiều	TT Ngoại ngữ	Tiểu-Học 42 63 sv (75cn)	Tiểu học 44 65 sv (55cn)	GD-CD 42A 78 sv (75cn)	ĐH Sinh-Địa 42 53 sv (55cn)	TT Ngoại ngữ
Phòng học	B201 (t)	B202 (t)	B203	B204 (t)	B205	B206(rn)
Sáng	Dự án Đại học	Dự án Đại học	Dự án Đại học	Thê-Dục 42A 45 sv (75cn)	Thê-Dục 42B 45 sv (55cn)	Trung quốc K3
Chiều	Dự án Đại học	Dự án Đại học	Dự án Đại học	GD-CN 42 63 sv (75cn)	Thê-Dục 42C 40 sv (55cn)	Trung quốc K3
Phòng học	B301(t)	B302(t)	B303	B304(t)	B305	B306(rn)
Sáng	Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan	Lý 42A 47sv (75cn)	Hoá 42B 49sv (55cn)	Phòng đợi giảng viên
Chiều	Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan	Dự án Hà Lan	Lý 42B 51sv (75cn)	Hoá 42A 50sv (55cn)	Phòng đợi giảng viên
Phòng học	B401 (t)	B402 (t)	B403	B404 (t)	B405	B406(rn)
Sáng	SPTin 42 65 sv (75cn)	Toán 42A 66 sv (75cn)	Trung-Anh 42 54 sv (55cn)	Toán 42B 68 sv (75cn)	Trung 42B 34sv (75cn)	(35cn)
Chiều	ĐH Lý-Hoá 42 67 sv (75cn)	Toán 42C 58 sv (75cn)	Anh 42A 37 sv (55cn)	ĐH Văn-Sử 42 80 sv (75cn)	Trung 42A 37 sv (75cn)	(35cn)
Phòng học	B501 (t)	B502 (t)	B503	B504 (t)	B505	B506(rn)
Sáng	Văn 42C 51 sv (75cn)	Pháp 42 57 sv (75cn)	Hoá 44A 59 sv (55cn)	Địa 42B 63 sv (75cn)	Anh 42C 26 sv (55cn)	(35cn)
Chiều	Văn 42A 83 sv (75cn)	Văn 42B 80 sv (75cn)	Hoá 44B 59 sv (55cn)	Địa 42A 76 sv (75cn)	Anh 42B 38 sv (55cn)	(35cn)

Vị trí phòng học cho các lớp năm học 2009-2010
 học kỳ 2 – thực hiện từ ngày 28/12/2009 (Khu giảng đường 5 tầng C)
(Kèm theo công văn số: 2737/ĐT, ngày 24/12/2009)

Phòng học	C 101 *	C 102		
Sáng	Phòng thí nghiệm	Phòng thí nghiệm		
Chiều	Phòng thí nghiệm	Phòng thí nghiệm		
Phòng học	C 201 (t)	C 202 (t)	C 203	C 204
Sáng	GDCD 44 76 sv (75cn)	Văn 44A 87 sv (75cn)	D&M.2 37sv (55cn)	Thư viện khoa Sinh
Chiều	Sinh 44B 77 sv (75cn)	Sinh 44D 77 sv (75cn)	GD-CN 44 65 sv (55cn)	Thư viện khoa Sinh
Phòng học	C301 (t)	C 302 (t)	C 303	C 304
Sáng	Trung tâm THMN	ĐH Văn-Sử 43 67 sv (75cn)	Sử 42B 50 sv (55cn)	CĐ Sinh-Hoá 44B 48 sv (55cn)
Chiều	Trung tâm THMN	CĐ Văn-Sử 44A 70 sv (75cn)	CĐ Sinh-Địa 44 68 sv (55cn)	Tâm lý 44 65 sv (55cn)
Phòng học	C 401 (t)	C 402 (t)	C 403	C 404
Sáng	Toán 44A 77 sv (75cn)	Toán 44B 76 sv (75cn)		
Chiều	Sử 42A 73 sv (75cn)	CĐ Toán-Tin 44 73 sv (75cn)	CĐ Thể Dục 44A 45 sv (75cn)	
Phòng học	C 501 (t)	C 502 (t)	C 503	C 504
Sáng	C4 – 51sv (75cn)	C5 – 61sv (75cn)	Lý 44A 62 sv (55cn)	SPTin 44A 43 sv (55cn)

Chiều	CD Văn-Địa 44 85 sv (75cn)	Toán 44C 76 sv (75cn)	Lý 44B 61 sv (55cn)	SPTin 44B 42 sv (55cn)
-------	-------------------------------	--------------------------	------------------------	---------------------------

vị trí phòng học cho các lớp năm học 2009-2010
 học kỳ 2 – thực hiện từ ngày 28/12/2009 (Khu giảng đường 5 tầng D)
(Kèm theo công văn số: 2737/ĐT, ngày 24/12/2009)

Phòng học	D206 (t)	D1 (Lớn)	D2 (Lớn)		
Sáng	Thiết bị Tiểu học	(120 cn)	Sử 44A 99 sv (120cn)		
Chiều	Thiết bị Tiểu học	(120 cn)	Sử 44B 99 sv(120cn)		
Phòng học	D101 (t)	D102 (t)	D103	D104	D105
Sáng	ĐH Sinh-Hoá44 94sv (75 cn)	Sinh 44A 78 sv (75 cn)		Hoá 43A 61 sv (40 cn)	Lý 43A 62 sv (40 cn)
Chiều	Văn 44B 87 sv (75 cn)	ĐH Văn-Địa44 90sv (75cn)	Thẻ dực 43A 66 sv (40 cn)	SPTin 43B 50 sv (40 cn)	Thẻ dực 43B 68 sv (40 cn)
Phòng học	D201 (t)	D202 (t)	D203 (t)	D204	D205
Sáng	ĐH Toán-Tin 44 74 sv (75 cn)	Toán 43C 73 sv (75 cn)	GD-QP 43 68 sv (75 cn)	Thẻ dực 44A 52 sv (40 cn)	Thẻ dực 44B 52 sv (40 cn)
Chiều	Địa 44B 66 sv (75 cn)	Mầm non 44 67 sv (75 cn)	Văn 44C 86 sv (75 cn)	Thẻ dực 44C 52 sv (40 cn)	Thẻ dực 44D 51 sv (40 cn)
Phòng học	D301 (t)	D302 (t)	D303 (t)	D304 (t)	D305 (t)
Sáng	Sinh 43A 72 sv (75 cn)	GD-CD 43 87sv (75 cn)	Tiểu học 43 73 sv (75 cn)	ĐH Sinh-Hoá43 68sv (75 cn)	ĐH Văn-Địa 43 57 sv (75 cn)
Chiều	Sinh 43B 70 sv (75 cn)	Tâm lý 43 62 sv (75 cn)	Mầm Non 43 69 sv (75 cn)	ĐH Toán-Tin 43 66 sv (75 cn)	ĐH Toán-Lý 43 59 sv (75 cn)
Phòng học	D 401 (t)	D 402 (t)	D403 (t)	D404 (t)	D405
Sáng	Địa 44A 67 sv (75 cn)	SPTin 43A 71 sv (75 cn)	ĐHToán-Lý44 72sv (75cn)	Sinh 44C 77 sv (75 cn)	GD-CN 43 54 sv (40 cn)
Chiều	Toán 43B 68 sv (75 cn)	ĐH Văn-Sử44 71sv (75cn)	Lý 43B 78 sv (75 cn)	Hoá 43B 78 sv (75 cn)	Anh 43 35 sv (40 cn)
Phòng học	D501 (t)	D502 (t)	D503 (t)	D504 (t)	D505 (t)

Sáng	Văn 43A 68 sv (75 cn)	Văn 43B 69 sv (75 cn)	Sử 43A 69 sv (75 cn)	Địa 43A 78 sv (75 cn)	Cao học (75 cn)
Chiều	Văn 43C 65 sv (75 cn)	Địa 43B 74 sv (75 cn)	Sử 43B 59 sv (75 cn)	Địa 43C 71 sv (75 cn)	Cao học (75 cn)

vị trí phòng học cho các lớp năm học 2009-2010
 học kỳ 2 – thực hiện từ ngày 28/12/2009 (Khu giảng đường 2 tầng F)
(Kèm theo công văn số: 2737/ĐT, ngày 24/12/2009)

Phòng học	F 101 (t)	F 102	F 103	
Sáng	CĐ Văn-Sử 44B 70 sv (75 cn)	CĐ Sinh-Hoá 44A 50 sv (55 cn)	CĐ Toán-Lý 44 65 sv (55 cn)	
Chiều	CĐ Văn-Sử 43A 76 sv (75 cn)	CĐ Toán-Tin 43A 58 sv (55 cn)	CĐ Văn-Sử 43B 72 sv (55 cn)	
Phòng học	F201 (t)	F 202	F 203	F 204
Sáng	CĐ Toán-Tin 43B 72 sv (75 cn)	CĐ Văn-Sử 43C 59 sv (55 cn)	CĐ Thể Dục 43 40 sv (55 cn)	CĐ Toán-Tin 43C 51 sv (55 cn)
Chiều	CĐ Sinh-Địa 43 77 sv (75 cn)	LT -Văn K1 68 sv (55 cn)	LT- Lý K1 36 sv (55 cn)	LT -Toán K1 45 sv (55 cn)

Lưu ý:

Thời khoá biểu ở trên mới chỉ có các học phần môn chung các Khoa bổ sung thêm các học phần môn riêng cho đầy đủ.